TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 25-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Thu Hương
2. Ông Đào Hoàng Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc *"tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị V, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện V, tỉnh K; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn N, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện V, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày: Chị và anh N kết hôn vào năm 2008, có đăng ký trễ hạn do Uỷ ban nhân dân xã B cấp. Anh chị chung sống đầm ấm được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không quan tâm, chăm sóc, đi làm về không đưa tiền cho chị, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân gần hai năm nay, hiện chị đang đi làm ở huyện P. Từ những mâu thuẫn trên nên chị V xin ly hôn; Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Đặng Hoàng K, sinh ngày 17/7/2009, hiện đang sống với anh N và cháu Đặng Lê A, sinh ngày 22/11/2015, hiện đang sống với chị. Nay chị xin nuôi cháu

Lê A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng, còn cháu Hoàng K giao cho anh N nuôi; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Tại các lời khai, bị đơn anh Đặng Văn N trình bày: Anh và chị V kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng thường cải vã, anh cũng có lúc không quan tâm đến vợ nhưng không đến nỗi phải ly hôn. Anh vẫn còn thương vợ nên xin hàn gắn; Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Đặng Hoàng K, sinh ngày 17/7/2009, hiện đang sống với anh N; cháu Đặng Lê A, sinh ngày 22/11/2015, hiện đang sống với chị V. Nếu con muốn ở với anh thì anh nuôi, trường hợp ly hôn thì anh xin nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V; về con chung: giao cháu Lê A cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng K cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đặng Văn N đã được Toà án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị V và anh N tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nay chị V xin ly hôn, anh N xin hàn gắn. Về nguyên nhân xin ly hôn theo chị V trình bày do anh N không quan tâm, đi làm về không đưa tiền cho chị, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã ly thân gần một năm nay. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V thấy rằng: Mâu thuẫn của anh chị là có thật và được chính quyền địa phương xác nhận, anh chị hiện nay không còn liên lạc và không tới lui hỏi thăm con chung, không còn chăm sóc lẫn nhau. HĐXX xét thấy: nghĩa vụ của vợ chồng là yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ sống chung với nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên,

anh chị hiện nay không còn thực hiện các nghĩa vụ đó. Dù có bác đơn xin ly hôn của chị V thì cuộc sống vợ chồng của anh chị cũng không còn hạnh phúc. Vì vây, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[3] *Về con chung*: Anh chị có có 2 con chung là cháu Đặng Hoàng K, sinh ngày 17/7/2009 và cháu Đặng Lê A, sinh ngày 22/11/2015. Cháu K có nguyện vọng sống với cha, hiện cháu đang được anh N nuôi dưỡng tốt. Anh N xin nuôi hai con chung nhưng hiện nay anh đang sống chung với gia đình, thu nhập bằng nghề làm công trung bình khoảng 200.000 đồng đến 300.000 đồng mỗi ngày. Mặt khác, cháu Lê A hiện nay mới hơn 36 tháng tuổi, sống với chị V từ nhỏ cho đến nay, cuộc sống của cháu được đảm bảo do chị V hiện đang có thu nhập hàng tháng, cuộc sống tương đối ổn định. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho các cháu nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu K cho anh N nuôi, giao cháu Lê A cho chị V nuôi là phù hợp.

[4] *Về cấp dưỡng*: Cuộc sống của hai cháu hiện đang được đảm bảo, anh N và chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Anh N, chị V có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung*: Anh N, chị V không yêu cầu về tài sản chung nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí xin ly hôn:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002209 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V được ly hôn với anh Đặng Văn N.

2- Về quan hệ con chung: Giao cháu cháu Đặng Hoàng K, sinh ngày 17/7/2009 cho anh N tiếp nuôi dưỡng, cháu K hiện đang sống với anh N.

Giao cháu Đặng Lê A, sinh ngày 22/11/2015 cho chị V tiếp nuôi dưỡng, cháu Lê A hiện đang sống với chị V.

Anh N, chị V có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Anh N, chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị V chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0002209 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Minh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm